

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC KỸ THUẬT THEO ĐÚNG PHÂN TUYẾN**  
**ÁP DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NGỌC HỒI**  
*(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-SYT ngày 04/8/2014 của Sở Y tế)*

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
1	2	3
<b>I.</b>	<b>I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</b>	
	<b>A. TUẦN HOÀN</b>	
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường $\leq 8$ giờ	I-1
2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	I-2
3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục $\leq 8$ giờ	I-3
4	Làm test phục hồi máu mao mạch	I-5
5	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	I-6
6	Theo dõi SPO <sub>2</sub> liên tục tại giường $\leq 8$ giờ	I-28
7	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	I-32
8	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	I-35
9	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	I-36
10	Hạ huyết áp chỉ huy $\leq 8$ giờ	I-40
11	Hồi sức chống sốc $\leq 8$ giờ	I-51
	<b>B. HÔ HẤP</b>	
12	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	I-53
13	Thở oxy qua gọng kính ( $\leq 8$ giờ)	I-57
14	Thở oxy qua mặt nạ không có túi ( $\leq 8$ giờ)	I-58
15	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) ( $\leq 8$ giờ)	I-61
16	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính $\leq 8$ giờ	I-62
17	Thở oxy qua mặt nạ venturi ( $\leq 8$ giờ)	I-63
18	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	I-64
19	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	I-65
20	Đặt ống nội khí quản	I-66
21	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	I-75
22	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	I-76
23	Thay ống nội khí quản	I-77
24	Rút ống nội khí quản	I-78
25	Rút canuyn khí quản	I-79
26	Thay canuyn mở khí quản	I-80
27	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	I-81
28	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	I-82
29	Vận động trị liệu hô hấp	I-85
30	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	I-86
31	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	I-87
32	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	I-88
33	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	I-93
34	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp $\leq 8$ giờ	I-94
35	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	I-96
36	Dẫn lưu màng phổi liên tục $\leq 8$ giờ	I-97
37	Thông khí nhân tạo không xâm nhập $\leq 8$ giờ	I-128

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
38	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac $\leq 8$ giờ	I-129
39	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP $\leq 8$ giờ	I-130
40	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP $\leq 8$ giờ	I-131
41	Thông khí nhân tạo xâm nhập $\leq 8$ giờ	I-132
42	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV $\leq 8$ giờ	I-133
43	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV $\leq 8$ giờ	I-134
44	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV $\leq 8$ giờ	I-136
45	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP $\leq 8$ giờ	I-138
46	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	I-144
47	Cai thở máy bằng phương thức SIMV $\leq 8$ giờ	I-145
48	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng $\leq 8$ giờ	I-147
49	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	I-151
50	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube	I-152
51	Theo dõi các thông số cơ học phổi $\leq 8$ giờ	I-154
52	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy $\leq 8$ giờ	I-155
53	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	I-157
54	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	I-158
55	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	I-159
	<b>C. THẬN - LỌC MÁU</b>	
56	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	I-160
57	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	I-161
58	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	I-162
59	Mở thông bàng quang trên xương mu	I-163
60	Thông bàng quang	I-164
61	Rửa bàng quang lấy máu cục	I-165
62	Vận động trị liệu bàng quang	I-166
63	Bài niệu cưỡng bức $\leq 8$ giờ	I-170
64	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc $\leq 8$ giờ	I-171
	<b>D. THẬN KINH</b>	
65	Chọc dịch tuỷ sống	I-202
66	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường $\leq 8$ giờ	I-211
67	Điều trị co giật liên tục $\leq 8$ giờ	I-213
68	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu $\leq 8$ giờ	I-214
	<b>Đ. TIÊU HOÁ</b>	
70	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	I-215
71	Đặt ống thông dạ dày	I-216
72	Rửa dạ dày cấp cứu	I-218
73	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	I-219
74	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	I-220
75	Thụt tháo	I-221
76	Thụt giữ	I-222
77	Đặt ống thông hậu môn	I-223
78	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	I-224
79	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	I-225
80	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày $\leq 8$ giờ	I-227

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
81	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	I-229
82	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	I-235
83	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	I-239
84	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	I-240
85	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	I-241
86	Rửa màng bụng cấp cứu	I-242
87	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	I-243
88	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	I-244
	<b>E. TOÀN THÂN</b>	
89	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	I-246
90	Giải stress cho người bệnh	I-249
91	Kiểm soát đau trong cấp cứu	I-250
92	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	I-251
93	Lấy máu tĩnh mạch ben	I-253
94	Truyền máu và các chế phẩm máu	I-254
95	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	I-255
96	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	I-260
97	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	I-261
98	Gội đầu cho người bệnh tại giường	I-262
99	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	I-263
100	Tắm cho người bệnh tại giường	I-264
101	Tắm tẩy độc cho người bệnh	I-265
102	Xoa bóp phòng chống loét	I-266
103	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần )	I-267
104	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	I-269
105	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	I-270
106	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	I-272
107	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	I-274
108	Băng bó vết thương	I-275
109	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	I-276
110	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	I-277
111	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	I-278
112	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	I-279
113	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	I-280
	<b>G. XÉT NGHIỆM</b>	
114	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	I-281
115	Định nhóm máu tại giường	I-284
116	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	I-285
117	Phát hiện opiat bằng naloxone	I-296
	<b>H. THĂM DÒ KHÁC</b>	
118	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	I-303
	<b>II. NỘI KHOA</b>	
	<b>A. HỒ HẤP</b>	
119	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	II-1
120	Bơm rửa khoang màng phổi	II-2

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
121	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	II-4
122	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	II-7
123	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	II-8
124	Chọc dò dịch màng phổi	II-9
125	Chọc tháo dịch màng phổi	II-10
126	Chọc hút khí màng phổi	II-11
127	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	II-29
128	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	II-31
129	Khí dung thuốc giãn phế quản	II-32
130	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	II-61
131	Thay canuyn mở khí quản	II-67
132	Vận động trị liệu hô hấp	II-68
	<b>B. TIM MẠCH</b>	
133	Điện tim thường	II-85
	<b>C. THẦN KINH</b>	
134	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	II-128
135	Chọc dò dịch não tủy	II-129
136	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	II-149
137	Hút đờm hầu họng	II-150
138	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	II-151
139	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	II-163
140	Theo dõi SPO <sub>2</sub> liên tục tại giường	II-164
141	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	II-165
142	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	II-166
	<b>D. THẬN TIẾT NIỆU</b>	
143	Đặt sonde bàng quang	II-188
144	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	II-195
145	Rửa bàng quang lấy máu cục	II-232
146	Rửa bàng quang	II-233
	<b>Đ. TIÊU HÓA</b>	
147	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	II-241
148	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	II-242
149	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	II-243
150	Đặt ống thông dạ dày	II-244
151	Đặt ống thông hậu môn	II-247
152	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	II-253
153	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	II-254
154	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	II-272
155	Rửa dạ dày cấp cứu	II-313
156	Siêu âm ổ bụng	II-314
157	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	II-317
158	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	II-333
159	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	II-334
160	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	II-336
161	Thụt thuốc qua đường hậu môn	II-337
162	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	II-338
163	Thụt tháo phân	II-339

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
	<b>E. CƠ XƯƠNG KHỚP</b>	
164	Hút dịch khớp gối	II-349
165	Hút nang bao hoạt dịch	II-361
166	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	II-363
<b>III.</b>	<b>NHI KHOA</b>	
	<b>I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</b>	
	<b>A. TUẦN HOÀN</b>	
167	Đặt catheter tĩnh mạch	III-28
168	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	III-29
169	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm	III-30
170	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	III-31
171	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh	III-34
172	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	III-44
173	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	III-46
174	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	III-47
175	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	III-49
176	Ép tim ngoài lồng ngực	III-51
	<b>B. HÔ HẤP</b>	
177	Cai máy thở	III-75
178	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	III-76
179	Đặt ống nội khí quản	III-77
180	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	III-79
181	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	III-82
182	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	III-83
183	Chọc thăm dò màng phổi	III-84
184	Dẫn lưu màng phổi liên tục	III-86
185	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	III-87
186	Thăm dò chức năng hô hấp	III-88
187	Khí dung thuốc cấp cứu	III-89
188	Khí dung thuốc thở máy	III-90
189	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	III-91
190	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	III-92
191	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	III-94
192	Rút catheter khí quản	III-100
193	Thay canuyn mở khí quản	III-101
194	Chăm sóc lỗ mở khí quản	III-102
195	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	III-103
196	Thở ngắt	III-105
197	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	III-106
198	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	III-107
199	Thở oxy gọng kính	III-108
200	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	III-109
201	Thở oxy qua mặt nạ có túi	III-110
202	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	III-111
203	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	III-112
204	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	III-113

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
	<b>C. THẬN – LỌC MÁU</b>	
205	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	III-125
206	Mở thông bàng quang trên xương mu	III-129
207	Vận động trị liệu bàng quang	III-130
208	Rửa bàng quang lấy máu cục	III-131
209	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	III-132
210	Thông tiểu	III-133
211	Hồi sức chống sốc	III-134
	<b>D. THẬN KINH</b>	
212	Xử trí tăng áp lực nội sọ	III-137
213	Chọc dịch tuỷ sống	III-148
214	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	III-149
215	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	III-150
	<b>Đ. TIÊU HÓA</b>	
216	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	III-163
217	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	III-164
218	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	III-165
219	Đặt ống thông dạ dày	III-167
220	Rửa dạ dày cấp cứu	III-168
221	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	III-169
222	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	III-171
223	Cho ăn qua ống thông dạ dày	III-172
224	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	III-173
225	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	III-175
226	Đặt sonde hậu môn	III-178
227	Thụt tháo phân	III-179
228	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	III-180
	<b>E. TOÀN THÂN</b>	
229	Kiểm soát đau trong cấp cứu	III-187
230	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh Siêu âm màu tại giường	III-188
231	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu	III-190
232	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	III-192
233	Truyền máu và các chế phẩm máu	III-193
234	Tắm cho người bệnh tại giường	III-194
235	Gội đầu cho người bệnh tại giường	III-196
236	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	III-197
237	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	III-198
238	Xoa bóp phòng chống loét	III-199
239	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	III-200
240	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	III-201
241	Băng bó vết thương	III-202
242	Cầm máu (vết thương chảy máu)	III-203
243	Vận chuyển người bệnh an toàn	III-204
244	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	III-205
245	Định nhóm máu tại giường	III-206
246	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	III-207
247	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	III-208

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
248	Tiêm truyền thuốc	III-210
<b>V. DA LIỄU</b>		
249	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	V-3
250	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	V-51
<b>VI. TẮM THẦN</b>		
251	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	VI-48
252	Liệu pháp thể dục, thể thao	VI-58
253	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	VI-59
254	Liệu pháp lao động	VI-60
255	Xử trí trạng thái kích động	VI-62
256	Xử trí trạng thái không ăn	VI-64
257	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	VI-66
258	Cấp cứu tự sát	VI-68
259	Xử trí hạ huyết áp tư thế	VI-69
260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	VI-70
261	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	VI-71
262	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	VI-77
<b>VII. NỘI TIẾT</b>		
263	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	VII-225
264	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	VII-226
265	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	VII-231
266	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	VII-133
267	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	VII-234
268	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTD (kiểm soát đường huyết tốt)	VII-236
269	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	VII-239
270	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	VII-240
271	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	VII-241
<b>VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>		
<b>A. KỸ THUẬT CHUNG</b>		
272	Hào châm	VIII-2
273	Mãng châm	VIII-3
274	Nhĩ châm	VIII-4
275	Điện châm	VIII-5
276	Thủy châm	VIII-6
277	Ôn châm	VIII-8
278	Kéo nắn cột sống cổ	VIII-13
279	Kéo nắn cột sống thắt lưng	VIII-14
280	Sắc thuốc thang	VIII-22
<b>E. ĐIỆN CHÂM</b>		
281	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	VIII-278
282	Điện châm điều trị huyết áp thấp	VIII-279
283	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	VIII-280
284	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	VIII-285
285	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	VIII-287
286	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	VIII-289
287	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	VIII-296

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
288	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	VIII-298
289	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	VIII-300
290	Điện châm điều trị liệt chi trên	VIII-301
291	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	VIII-310
292	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	VIII-313
293	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	VIII-316
294	Điện châm điều trị giảm đau do zona	VIII-329
295	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	VIII-320
	<b>G. THUYẾT CHÂM</b>	
296	Thuyết châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	VIII-322
297	Thuyết châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	VIII-323
298	Thuyết châm điều trị mất ngủ	VIII-324
299	Thuyết châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	VIII-330
300	Thuyết châm điều trị tâm căn suy nhược	VIII-337
301	Thuyết châm điều trị bại liệt trẻ em	VIII-338
302	Thuyết châm điều trị liệt trẻ em	VIII-340
303	Thuyết châm điều trị hội chứng tiền đình	VIII-351
304	Thuyết châm điều trị đau vai gáy	VIII-352
305	Thuyết châm điều trị huyết áp thấp	VIII-354
306	Thuyết châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn	VIII-355
307	Thuyết châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	VIII-356
308	Thuyết châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	VIII-357
309	Thuyết châm điều trị thất vận ngôn	VIII-358
310	Thuyết châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	VIII-360
311	Thuyết châm điều trị liệt chi trên	VIII-365
312	Thuyết châm điều trị liệt hai chi dưới	VIII-366
313	Thuyết châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	VIII-375
314	Thuyết châm điều trị đau do thoái hóa khớp	VIII-376
315	Thuyết châm điều trị viêm quanh khớp vai	VIII-377
316	Thuyết châm điều trị đau lưng	VIII-378
317	Thuyết châm điều trị sụp mi	VIII-379
	<b>H. XOA BÓP BẮM HUYẾT</b>	
318	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	VIII-389
319	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	VIII-390
320	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	VIII-391
321	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thất lưng- hông	VIII-392
322	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	VIII-393
323	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	VIII-395
324	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	VIII-396
325	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	VIII-397
326	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	VIII-406
327	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	VIII-408
328	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	VIII-411
329	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	VIII-412
330	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	VIII-414
331	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	VIII-419
332	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	VIII-425



<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
333	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	VIII-428
334	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp	VIII-429
335	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	VIII-430
336	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	VIII-431
337	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	VIII-432
338	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	VIII-443
339	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	VIII-446
<b>IX. GÂY MÊ HỒI SỨC</b>		
<b>A. CÁC KỸ THUẬT</b>		
340	Cải máy thở bằng chế độ thở thông thường	IX-4
341	Cấp cứu cao huyết áp	IX-6
342	Cấp cứu ngừng thở	IX-7
343	Cấp cứu ngừng tim	IX-8
344	Cấp cứu tụt huyết áp	IX-10
345	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	IX-11
346	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	IX-13
347	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	IX-15
348	Chọc tĩnh mạch đùi	IX-17
349	Chọc tuỷ sống đường bên	IX-19
350	Chọc tuỷ sống đường giữa	IX-20
351	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	IX-21
352	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	IX-28
353	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luôn từ tĩnh mạch ngoại vi	IX-29
354	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	IX-32
355	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	IX-37
356	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	IX-38
357	Đặt nội khí quản mò qua mũi	IX-41
358	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	IX-46
359	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	IX-60
360	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	IX-64
361	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	IX-67
362	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	IX-68
363	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	IX-74
364	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	IX-75
365	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	IX-76
366	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	IX-86
367	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	IX-87
368	Kỹ thuật gây tê tuỷ sống phẫu thuật lấy thai	IX-94
369	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	IX-95
370	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	IX-96
371	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	IX-97
372	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	IX-98
373	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	IX-99
374	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	IX-102
375	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	IX-113

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
376	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	IX-114
377	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	IX-116
378	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hayambu trong và sau mê	IX-117
379	Hút dẫn lưu ngực	IX-118
380	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	IX-120
381	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	IX-123
382	Xoay trở bệnh nhân thở máy	IX-124
383	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	IX-127
384	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc	IX-133
385	Mê tĩnh mạch theo TCI	IX-135
386	Mở khí quản	IX-136
387	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	IX-141
388	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	IX-142
389	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	IX-146
390	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	IX-147
391	Rửa tay phẫu thuật	IX-148
392	Rửa tay sát khuẩn	IX-149
393	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	IX-150
394	Theo dõi SpO <sub>2</sub>	IX-173
395	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	IX-176
396	Thở CPAP không qua máy thở	IX-177
397	Thở oxy qua mặt nạ	IX-184
398	Thở oxy qua ống chữ T	IX-186
399	Thông khí qua màng giáp nhân	IX-190
400	Thường qui đặt nội khí quản khó	IX-192
401	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	IX-194
402	Truyền dịch thường qui	IX-195
403	Truyền dịch trong sóc	IX-196
404	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	IX-197
405	Truyền máu trong sóc	IX-199
406	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	IX-200
407	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	IX-201
408	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	IX-202
409	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	IX-203
410	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	IX-204
411	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	IX-205
	<b>B. GÂY Mê</b>	
412	Gây mê phẫu thuật áp xe gan	IX-250
413	Gây mê phẫu thuật bảo tồn	IX-266
414	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	IX-269
415	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	IX-271
416	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	IX-286
417	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	IX-287
418	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	IX-432

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
419	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	IX-433
420	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn	IX-467
421	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	IX-496
422	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	IX-501
423	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	IX-503
424	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	IX-560
425	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	IX-563
426	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	IX-564
427	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	IX-633
428	Gây mê phẫu thuật chữa ngoài da con võ	IX-653
429	Gây mê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vít gãy thân xương cánh tay	IX-661
430	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	IX-757
431	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	IX-758
432	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	IX-762
433	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	IX-769
434	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	IX-778
435	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	IX-797
436	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	IX-899
437	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	IX-936
438	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	IX-937
439	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	IX-946
440	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	IX-951
441	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	IX-956
442	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	IX-959
443	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	IX-963
444	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Monteggia	IX-964
445	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	IX-975
446	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	IX-976
447	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	IX-978
448	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	IX-979
449	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	IX-981
450	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	IX-982
451	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	IX-984
452	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đòn	IX-999
453	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	IX-1000
454	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương gót	IX-1002
455	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	IX-1013
456	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	IX-1016
457	Gây mê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	IX-1025
458	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	IX-1075
459	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	IX-1114
460	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò	IX-1128
461	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	IX-1129
462	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	IX-1134
463	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	IX-1298
	<b>C. HỒI SỨC</b>	

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
464	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	IX-1687
465	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	IX-1689
466	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	IX-1704
467	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	IX-1740
468	Hồi sức phẫu thuật cắt đoạn chi	IX-1772
469	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	IX-1848
470	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	IX-1850
471	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	IX-1851
472	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	IX-1914
473	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	IX-1921
474	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	IX-1979
475	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	IX-1980
476	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	IX-1981
477	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	IX-1982
478	Hồi sức phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	IX-1995
479	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	IX-2051
480	Hồi sức phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	IX-2071
481	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	IX-2092
482	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	IX-2176
483	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	IX-2180
484	Hồi sức phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	IX-2277
485	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	IX-2317
486	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	IX-2354
487	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	IX-2369
488	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	IX-2374
489	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	IX-2381
490	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Monteggia	IX-2382
491	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	IX-2393
492	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	IX-2394
493	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	IX-2396
494	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	IX-2397
495	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	IX-2400
496	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	IX-2402
497	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đòn	IX-2417
498	Hồi sức phẫu thuật loại 3	IX-2535
499	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò	IX-2546
500	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	IX-2547
	<b>D. GÂY TẾ</b>	
501	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	IX-3086
502	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	IX-3089
503	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	IX-3091
504	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	IX-3106
505	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	IX-3142

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
506	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	IX-3150
507	Gây tê phẫu thuật cắt chắp có bọc	IX-3153
508	Gây tê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	IX-3166
509	Gây tê phẫu thuật cắt cụt chi	IX-3167
510	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	IX-3168
511	Gây tê phẫu thuật cắt đoạn chi	IX-3174
512	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	IX-3252
513	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	IX-3253
514	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng. phần phụ	IX-3316
515	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	IX-3321
516	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung	IX-3323
517	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu	IX-3346
518	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	IX-3348
519	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	IX-3383
520	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	IX-3384
521	Gây tê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	IX-3473
522	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	IX-3578
523	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	IX-3582
524	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	IX-3719
525	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	IX-3756
526	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	IX-3771
527	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	IX-3776
528	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	IX-3780
529	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	IX-3783
530	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Monteggia	IX-3784
531	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	IX-
532	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	IX-3796
533	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	IX-3798
534	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	IX-3799
535	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	IX-3802
536	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	IX-3804
537	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đòn	IX-3819
538	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	IX-3912
539	Gây tê phẫu thuật loại 3	IX-3953
540	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò	IX-3964
541	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	IX-3965
	<b>D. AN THẦN</b>	
542	An thần bệnh nhân phải nắn xương	IX-4465
543	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	IX-4466
544	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	IX-4467
	<b>X. NGOẠI KHOA</b>	
	<b>A. THẦN KINH - SỌ NÃO</b>	
	<b>B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC</b>	
	<b>1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực</b>	
545	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	X-152
546	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	X-153

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
547	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	X-162
548	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	X-164
	<b>2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu</b>	
549	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	X-172
	<b>C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC</b>	
550	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	X-354
551	Lấy sỏi bàng quang	X-355
552	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	X-356
553	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	X-357
554	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	X-359
555	Cắt bỏ tinh hoàn	X-406
556	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	X-407
557	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	X-408
558	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	X-410
559	Cắt hẹp bao quy đầu	X-411
560	Mở rộng lỗ sáo	X-412
561	<b>D. TIÊU HÓA</b>	
562	Mở bụng thăm dò	X-451
563	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	X-463
564	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	X-480
565	Tháo xoắn ruột non	X-482
566	Tháo lồng ruột non	X-483
567	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	X-484
568	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	X-485
569	Gỡ dính sau mổ lại	X-491
570	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	X-492
571	Cắt ruột thừa đơn thuần	X-506
572	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	X-507
573	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	X-508
574	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	X-509
575	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	X-555
576	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	X-565
	<b>Đ. GAN - MẬT - TUY</b>	
	<b>E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC</b>	
577	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	X-679
578	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	X-684
579	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	X-687
580	Khâu vết thương thành bụng	X-699
	<b>G. CHẤN THƯƠNG – CHÍNH HÌNH</b>	
581	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	X-719
582	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	X-734
583	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	X-807
584	Thương tích bàn tay giản đơn	X-860
585	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	X-862
586	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	X-863
587	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	X-934
588	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	X-954

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
589	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	X-984
<b>XI.</b>	<b>BÔNG</b>	
	<b>A. ĐIỀU TRỊ BÔNG</b>	
	<b>1. Thay băng bông</b>	
590	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-4
591	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-5
592	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-9
593	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-10
594	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bông sâu	XI-11
595	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	XI-12
596	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	XI-13
597	Gây mê thay băng bông	XI-14
	<b>2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông</b>	
598	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép	XI-15
599	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu	XI-16
600	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-19
601	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-22
602	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-25
603	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-28
604	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-31
605	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-34
	<b>3. Các kỹ thuật khác</b>	
606	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng	XI-77
607	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt	XI-79
608	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bông	XI-80
609	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng	XI-81
610	Sơ cấp cứu bông acid	XI-82
611	Sơ cấp cứu bông do dòng điện	XI-83
612	Chẩn đoán và điều trị sốc bông	XI-84
613	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường hô hấp	XI-85
614	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường tiêu hóa	XI-86
615	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bông	XI-87
616	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bông	XI-89
617	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bông	XI-90
618	Tắm điều trị bệnh nhân bông	XI-97
	<b>B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ</b>	
	<b>TRONG BÔNG VÀ SAU BÔNG</b>	
619	Khám di chứng bông	XI-102
620	Cắt sẹo khâu kín	XI-103
	<b>C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH</b>	
621	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	XI-116
	<b>D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BÔNG</b>	

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
622	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	XI-122
623	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng	XI-123
624	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	XI-128
625	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	XI-130
<b>XII.</b>	<b>UNG BƯỚU</b>	
	<b>ĐẦU-CỔ</b>	
626	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	XII-2
627	Cắt các u lành vùng cổ	XII-10
	<b>HÀM - MẶT</b>	
628	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	XII-92
	<b>TIẾT NIỆU-SINH DỤC</b>	
629	Cắt u sùi đầu miệng sáo	XII-261
630	Cắt u nang thừng tinh	XII-262
631	Cắt nang thừng tinh một bên	XII-263
632	Cắt nang thừng tinh hai bên	XII-264
	<b>VÚ - PHỤ KHOA</b>	
631	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	XII-267
632	Cắt u nang buồng trứng xoắn	XII-268
633	Cắt u nang buồng trứng	XII-281
634	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	XII-282
635	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	XII-283
636	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	XII-284
637	Cắt u thành âm đạo	XII-306
638	Bóc nang tuyến Bartholin	XII-309
	<b>PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP</b>	
639	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	XII-320
640	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	XII-322
<b>XIII.</b>	<b>PHỤ SẢN</b>	
	<b>A. SẢN KHOA</b>	
641	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	XIII-7
642	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	XIII-8
643	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	XIII-13
644	Nghiệm pháp lọt ngôi chòm	XIII-21
645	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	XIII-22
646	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	XIII-23
647	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	XIII-24
648	Nội xoay thai	XIII-25
649	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	XIII-26
650	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	XIII-30
651	Thủ thuật cấp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	XIII-31
652	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	XIII-32
653	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	XIII-33
654	Cắt và khâu tầng sinh môn	XIII-34
655	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	XIII-35



<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
656	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	XIII-36
657	Kiểm soát tử cung	XIII-37
658	Bóc rau nhân tạo	XIII-38
659	Kỹ thuật bấm ối	XIII-39
660	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	XIII-40
661	Khám thai	XIII-41
662	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	XIII-48
663	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ	XIII-49
664	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	XIII-53
665	Chích áp xe tầng sinh môn	XIII-54
	<b>B. PHỤ KHOA</b>	
666	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	XIII-71
667	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	XIII-72
668	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	XIII-92
669	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	XIII-93
670	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	XIII-136
671	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	XIII-144
672	Khâu rách cùng đồ âm đạo	XIII-149
673	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	XIII-150
674	Chích áp xe tuyến Bartholin	XIII-151
675	Bóc nang tuyến Bartholin	XIII-152
676	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	XIII-157
677	Nạo hút thai trứng	XIII-158
678	Chích áp xe vú	XIII-163
679	Khám nam khoa	XIII-164
680	Khám phụ khoa	XIII-165
681	Soi cổ tử cung	XIII-166
682	Làm thuốc âm đạo	XIII-167
	<b>C. SƠ SINH</b>	
683	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	XIII-185
684	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	XIII-186
685	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	XIII-187
686	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	XIII-189
687	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	XIII-191
688	Ep tim ngoài lồng ngực	XIII-194
689	Khám sơ sinh	XIII-196
690	Chăm sóc rốn sơ sinh	XIII-197
691	Tắm sơ sinh	XIII-198
692	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	XIII-199
693	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	XIII-200
694	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	XIII-201
695	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	XIII-202
	<b>D. HỖ TRỢ SINH SẢN</b>	
	<b>Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH</b>	
696	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	XIII-224

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
697	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	XIII-225
698	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	XIII-226
699	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	XIII-227
700	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	XIII-228
	<b>E. PHÁ THAI</b>	
701	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	XIII-238
702	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	XIII-240
703	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	XIII-241
<b>XIV.</b>	<b>MẮT</b>	<b>3</b>
704	Cắt u da mi không ghép	XIV-83
705	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	XIV-112
706	Cắt bỏ chắp có bọc	XIV-167
707	Khâu da mi đơn giản	XIV-171
708	Khâu phục hồi bờ mi	XIV-172
709	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	XIV-174
710	Lấy dị vật kết mạc	XIV-200
711	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	XIV-203
712	Bơm rửa lệ đạo	XIV-206
713	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	XIV-207
714	Thay băng vô khuẩn	XIV-208
715	Tra thuốc nhỏ mắt	XIV-209
716	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	XIV-210
717	Rửa cùng đồ	XIV-211
718	Cấp cứu bong mắt ban đầu	XIV-212
719	Rạch áp xe mi	XIV-215
720	Soi đáy mắt trực tiếp	XIV-218
721	Khám lâm sàng mắt	XIV-223
722	Đo thị lực	XIV-260